

Số : 45 /QĐ-BQLKKTQP

Phú Quốc, ngày 05 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2024
của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ PHÚ QUỐC

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐCP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3239/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024 đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 611/TB-STC ngày 29/12/2023 của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang về kết quả kiểm tra việc phân bổ và giao dự toán NSNN cấp năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này. /...
nguy

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, Itmthang.

K.T. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Ngô Minh Trí

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ PHÚ QUỐC

Chương 305



DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 15/QĐ-BQLKKTTPQ ngày 05/01/2024)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách từ nguồn phí, lệ phí	
1	Tổng thu	1.527
1.1	Lê Phí	4
	Lệ phí cấp phép xây dựng	4
1.2	Phí	1.373
	Phí thẩm định đồ án quy hoạch, nhiệm vụ quy hoạch (TT số 35/TT-BTC)	1.100
	Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng (vốn NS -TT số 28/2023/TT-BTC)	70
	Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng (vốn ngoài NS -TT số 28/2023/TT-BTC)	200
	Phí cấp phép bán buôn rượu, bia, thuốc lá	3
1.3	Chi phí	150
	Chi phí thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành vốn nhà nước	150
2	Trích từ nguồn thu phí để lại	1.304
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.304
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách	223
3.1	Lê Phí	4
	Lệ phí cấp phép xây dựng	4
3.2	Phí	219
	Phí thẩm định đồ án quy hoạch, nhiệm vụ quy hoạch (TT số 35/TT-BTC)	110
	Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng (vốn NS -TT số 28/2023/TT-BTC)	7
	Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng (vốn ngoài NS -TT số 28/2023/TT-BTC)	100
	Phí cấp phép bán buôn rượu, bia, thuốc lá	1,5
II	Tổng chi	8.798
1	Chi quản lý hành chính	7.494
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.707
	Chi con người	4.715
	Chi công việc	992
1.2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương giao tự chủ (chênh lệch mức lương cơ sở từ 1,49 triệu đồng-1,8 triệu đồng)	692

1.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	873
	Kinh phí tổ chức hội nghị	50
	Công tác phí	230
	Kinh phí phục vụ đoàn công tác ra đảo xúc tiến đầu tư (chỉ khác tiếp khách các đoàn Trung ương và tỉnh)	273
	Tiền nhiên liệu: xăng xe ô tô phục vụ các đoàn công tác từ đất liền ra đảo	80
	Kinh phí sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	150
	Mua sắm tài sản(các thiết bị văn phòng phục vụ công tác chuyên môn)	90
1.4	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ không giao tự chủ (ISO)	15
2	Chi từ nguồn thu được để lại	1.304
	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch, thẩm tra quyết toán DAHT	150
	Chi phục vụ hoạt động thu phí	1.154

Ngân sách giữ lại 10% chi ngân sách để tạo nguồn tăng lương